

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

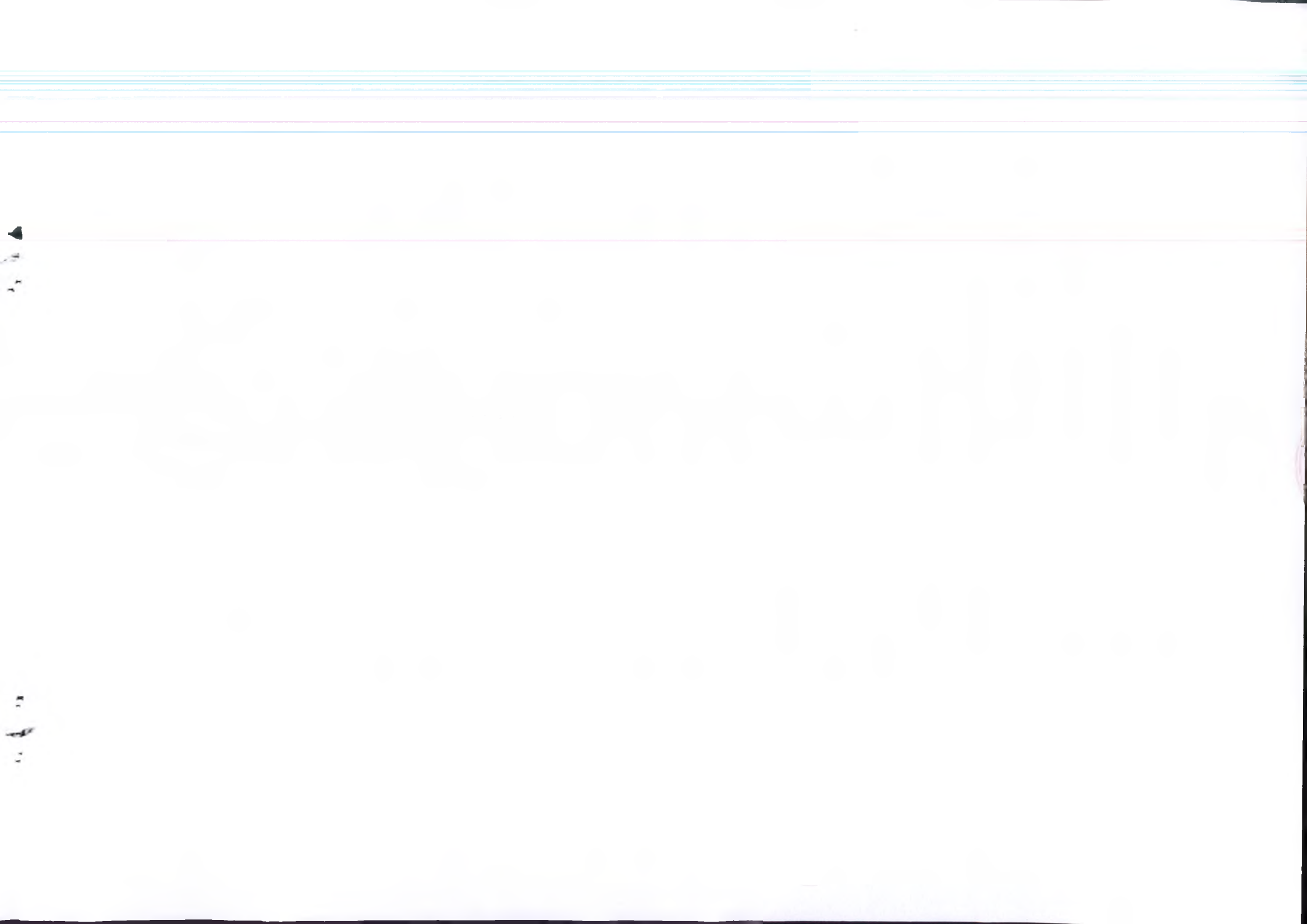
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1140-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2024
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Tên văn bằng : **Cử nhân Truyền thông đại chúng**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Tên CTĐT : **Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đại chúng**
Tên tiếng Anh : **BA program in Mass Communication**
Mã số : **7320105**
Thời gian đào tạo : **4 năm**
Khoa quản lý : **Viện Báo chí – Truyền thông**



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1140-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 22/02/2024
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục : **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**
Tên văn bằng : **Cử nhân Truyền thông đại chúng**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Tên CTĐT : **Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đại chúng**
Tên tiếng Anh : **BA program in Mass Communication**
Mã số : **7320105**
Thời gian đào tạo : **4 năm**
Khoa quản lý : **Viện Báo chí – Truyền thông**

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí- Truyền thông

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện:* Nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Viện:* Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1.2. Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện:*

- Là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục của Việt Nam trong các lĩnh vực lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng – văn hóa, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.

- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế; trung tâm nghiên cứu có tầm ảnh hưởng về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông tại Đông Nam Á và châu Á.

- Phấn đấu đến năm 2045, Học viện trở thành trường đại học hàng đầu tại châu Á.

- *Tầm nhìn của Viện:* Viện Báo chí – Truyền thông thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Viện không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện:*

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

Dân chủ: Là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

Đổi mới: Là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

Chất lượng: Là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

Cống hiến: Là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- *Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí – Truyền thông:*

Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Viện.

Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Viện

Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực có trình độ đại học về ngành truyền thông đại chúng, có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác truyền thông tại các cơ quan báo chí truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng; làm cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ báo chí và truyền thông; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kỹ năng nghiệp vụ báo chí truyền thông; có hiểu biết về các phương tiện truyền thông; có phẩm chất nghề nghiệp, có năng lực sáng tạo tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng và có khả năng phát triển, ứng dụng vào thực tế hoạt động truyền thông tại các tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ, tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học hoặc khởi nghiệp bằng chuyên ngành mình đã học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

PO1: Sinh viên hiểu một cách có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Sinh viên có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học

PO3: Sinh viên áp dụng được các kiến thức cơ bản về tin học phù hợp với ngành Truyền thông đại chúng;

PO4: Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng của Việt Nam và thế giới;

PO5: Sinh viên hiểu quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng và có thể áp dụng thành thạo vào việc sáng tạo các sản phẩm truyền thông đáp ứng yêu cầu của ngành.

PO6: Sinh viên có thể đọc hiểu, thuyết trình bằng tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến truyền thông đại chúng, có thể sử dụng ngoại ngữ để học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

2.2.2. Kỹ năng:

PO7: Sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm truyền thông, các loại sản phẩm truyền thông đại chúng;

PO8: Sinh viên sử dụng ở mức cơ bản những công nghệ mới trong hoạt động truyền thông, sử dụng máy quay, máy ảnh, máy ghi âm... và các phần mềm xử lý ảnh, dựng phim...; biết cách lựa chọn các phương tiện truyền thông phù hợp để chuyển tải thông điệp hiệu quả;

PO9: Sinh viên có khả năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông; có năng lực ứng dụng tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông và biết cách đánh giá kết quả hoạt động nghề nghiệp bằng các phương pháp định tính và định lượng;

PO10: Sinh viên giao tiếp, thuyết trình, thảo luận tốt về các chủ đề liên quan đến hoạt động nghề nghiệp;

PO11: Khả năng ngoại ngữ chuyên ngành của sinh viên đạt mức có thể hiểu và thuyết trình được một vấn đề liên quan đến các chủ đề thuộc ngành đào tạo; sử dụng thành thạo ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

PO12: Sinh viên thành thạo về tin học và công nghệ, bao gồm: sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO13: Sinh viên có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các môi trường cũng như điều kiện làm việc khác nhau;

PO14: Sinh viên có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm cũng như có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc;

PO15: Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà truyền thông; có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình Cử nhân Truyền thông đại chúng đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động những người làm truyền thông tại các cơ quan báo chí truyền thông nói chung, các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế, các Bộ, Ban, Ngành, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp...

Với kiến thức liên ngành được trang bị trong quá trình học tập, khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp cận với những cơ hội việc làm rất đa dạng ở nhiều vị trí khác nhau sau đây:

- Các doanh nghiệp truyền thông: có thể làm ở các bộ phận sáng tạo nội dung, sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng, nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm truyền thông, phát triển sản phẩm, dự án truyền thông. Người được đào tạo ngành truyền thông đại chúng có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành truyền thông.

- Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông: bộ phận xây dựng kế hoạch, thiết kế, quảng cáo, tiếp thị, kinh doanh, phát hành...; nghiên cứu và phát triển, quản lý hình ảnh và thương hiệu, nhân viên quản lý các dự án truyền thông...

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học tập ở trình độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ, ngành báo chí, truyền thông, và các ngành gần, ngành phù hợp khác.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành truyền thông đại chúng theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như: ngành Truyền thông đa phương tiện, Đại học Đại Nam; ngành Báo chí, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội...

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

** Khảo sát nhu cầu xã hội*

Tháng 10/2023, Viện Báo chí đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực ngành truyền thông. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các cơ quan báo chí, công ty truyền thông; các cán bộ quản lý doanh nghiệp truyền thông, số lượng: 50 người theo hình thức khảo sát: Hội thảo/toạ đàm/phỏng vấn.

Về nhu cầu nhân lực ngành truyền thông: 100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành truyền thông hàng năm. Các công ty truyền thông cần số lượng lớn nhân lực truyền thông.

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên ngành truyền thông đại chúng trước tốt nghiệp năm 2022, 2023 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Nội dung

STT	Nội dung
	Kiến thức
	<i>Kiến thức chung</i>
PLO 1	Mô tả và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.
PLO 2	Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học, pháp luật, tâm lý học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động báo chí - truyền thông.
PLO 3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học, phương pháp tiếp cận truyền thông, để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động truyền thông và quản lý hoạt động truyền thông.
PLO 4	Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động truyền thông và quản lý các lĩnh vực truyền thông.
	<i>Kiến thức ngành</i>
PLO 5	Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn truyền thông đại chúng, bao gồm: các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, lịch sử, văn hóa, tâm lý, công chúng báo chí - truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí báo chí - truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, ngôn ngữ báo chí truyền thông, quan hệ quốc tế ...
PLO 6	Phân biệt được các loại hình truyền thông đại chúng; xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại truyền thông đại chúng; phân tích được quy trình, kỹ thuật công nghệ và phương pháp sáng tạo sản phẩm cho từng thể loại. Phân tích được bản chất, tính mục đích của hoạt động truyền thông đại chúng, các nguyên tắc hành nghề và các chức năng cơ bản của truyền thông đại chúng; trình bày được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp;
PLO 7	Vận dụng được vấn đề lý luận và thực tiễn vào sáng tạo truyền thông đại chúng: khái niệm, đặc điểm, phương thức sản xuất; phân tích được vai trò, yêu cầu, các thể loại, các nguyên tắc, phương pháp sáng tạo...
	Kỹ năng

STT	Nội dung
	Kỹ năng chung
PLO 8	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, so sánh, phân tích có phân biệt thông tin và dữ liệu; nhận định, giải quyết vấn đề, tình huống một cách sáng tạo; thành thực phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic, tư duy hệ thống.
	Kỹ năng chuyên biệt của ngành
PLO 9	Có khả năng phân tích, thiết lập kế hoạch truyền thông, nghiên cứu công chúng, thiết kế thông điệp, giám sát, đánh giá và duy trì kế hoạch truyền thông trong nước và quốc tế; sử dụng các công cụ đánh giá, giám sát để truyền thông một cách có hiệu quả;
PLO 10	Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, biên tập truyền thông, sử dụng đạo đức, pháp luật, văn hóa, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất sản phẩm truyền thông, đặc biệt là sản phẩm truyền thông đại chúng;
PLO 11	Có kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo sản phẩm truyền thông đại chúng, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin; kỹ năng sáng tạo sản phẩm truyền thông phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng;
PLO 12	Thành thạo trong việc sáng tạo các sản phẩm truyền thông đại chúng, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông dưới các hình thức như sản xuất audio, video, đồ họa... ứng dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO 13	Năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện môi trường làm việc độc lập và trách nhiệm với nhóm
PLO 14	Có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của truyền thông nói chung, ngành truyền thông đại chúng nói riêng, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, bối cảnh chuyển đổi số
PLO 15	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một cán bộ truyền thông, có nhận thức và chủ động trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

4.2. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 617 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Mục tiêu đào tạo \ PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x								
Kỹ năng								x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm													x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Sơ đồ cây chương trình đào tạo

Kỳ 1 (17 TC)	Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 1 (4TC) Tiếng Trung học phần 1 (4TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	Chính trị học (2TC)	Lý thuyết truyền thông (3TC)	Học môn truyền thông đại chúng (1TC)	Tin học (3TC)	Giáo dục thể chất 1 (1TC)
Kỳ 2 (18TC)	Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 2 (4TC) Tiếng Trung học phần 2 (4TC)	Pháp luật và Đạo đức BCTT (3TC)	Nhiếp ảnh (3TC)	Triết học (3TC)	Truyền thông và báo chí đối ngoại (2TC)	Pháp luật đại cương (3TC)	Giáo dục quốc phòng
Kỳ 3 (18TC)	Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 3 (4TC) Tiếng Trung học phần 3 (4TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	Chọn 2 trong 6 HP: Quản trị BCTT (3TC); Tâm lý học BCTT (3TC); Truyền thông sáng tạo (3TC); Truyền thông XH và MNOH (3TC); M&E	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số (3TC)	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng (3TC)		Giáo dục thể chất 2 (1TC)
Kỳ 4 (18TC)	Chọn 1 trong 2 HP Tiếng Anh học phần 4 (3TC) Tiếng Trung học phần 4 (3TC);	Chọn 3 trong 9 HP: Cơ sở VHVN (2TC), Địa chính trị thế giới (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Các loại hình BCTT (2TC); XXH đại	Quan hệ công chúng và Quảng cáo (3TC)	Tổ chức hoạt động kinh doanh truyền thông (3TC)	Sản xuất Video (3TC)		Giáo dục thể chất 3 (1TC)
Kỳ 5 (16TC)	Lịch sử Đảng CSVN (2TC)	Xây dựng Đảng (2TC)	Quan hệ quốc tế (2TC)	Tổ chức sản xuất sản phẩm TTĐC (3TC)	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC (5TC)	Xuất bản điện tử (2TC)	Giáo dục thể chất 4 (1TC)
Kỳ 6 (19TC)	Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)	Kinh tế chính trị Mác Lê- nin (2TC)	Chọn 2 trong 6 HP: Truyền thông chính sách (3TC); Sản phẩm truyền thông In ấn (3TC); Thiết kế gói nhận diện thương hiệu (3TC); Tạp chí (3TC); Thiết kế đồ	Kinh doanh sản phẩm truyền thông (3TC)	Thực tập nghiệp vụ (3TC)		
Kỳ 7 (17TC)	Nghiệp vụ biên tập BCTT (2TC)	Dẫn chương trình (3TC)	Video âm nhạc (3TC)	Xây dựng và quản trị thương hiệu (3TC)	Chọn 2 trong 4 HP: Lao động nhà báo (3TC), Bản quyền và Sở hữu trí tuệ (3TC), Biên tập sản phẩm TTĐC (3TC), Tổ chức và AITTT (3TC).	Công chúng BCTT (3TC)	
Kỳ 8 (10TC)		Khóa luận học 2 HP thay thế KL: Nghiên cứu thị trường truyền thông (3TC); Quản trị khủng hoảng truyền thông (3TC)			Thực tập tốt nghiệp (4TC)		
		Kiến thức giáo dục đại cương Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức chuyên ngành Kiến thức bổ trợ					
		Khóa luận và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					

9. Nội dung chương trình

9.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
A. Kiến thức giáo dục đại cương	44
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	6/16
A3. Tin học	3
A4. Ngoại ngữ	15/30
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	13
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86
B1. Kiến thức cơ sở ngành	19
<i>Bắt buộc</i>	13
<i>Tự chọn</i>	6/18
B2. Kiến thức ngành	43
<i>Bắt buộc</i>	37
<i>Tự chọn</i>	6/18
B3. Kiến thức bổ trợ	18
<i>Bắt buộc</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
B4. Khóa luận/học phần thay thế hóa luận	6
Tổng	130

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25		5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	TM01012
3	CN01001	CNXHKH	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5		2,5	11,25	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5		5	11,25	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5		5	11,25	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	2	0,8	0,2	30	0	10	0	14	9	
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	1,5	0,3	0,2	15	7,5	9		0	9	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
<i>Tự chọn</i>			6/16										
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	1,5	0,25	0,25	12,5	10	0	2,5	5	11,25	
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	7,5	0	0	11,25	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	1,5	0,25	0,25	12,5	10	2,5	0	5	11,25	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	1,5	0,25	0,25	12,5	10	2,5		5	11,25	
18	XH01001	Xã hội học đại	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	5	0	2,5	11,25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		cương											
A3. Toán và khoa học tự nhiên			3										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	1	1	1	15			20	10	45	
A4. Ngoại ngữ			15/30										
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	NN01015
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	NN01015, NN01016
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21		9	22,5	NN01015, NN01016, NN01017
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	NN01019
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	2	1,5	0,5	20	10	30		15	22,5	NN01019, NN01020

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	1,5	1	0,5	16,5	6	21		9	22,5	NN01019, NN01020, NN01021
A5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng													
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			19										
<i>Bắt buộc</i>			<i>13</i>										
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức BCTT	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	NP01001, BC02110
29	XB02626	Nghiệp vụ biên tập BCTT	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	0	0	37.5	11.25	
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	0.5	0.5	17.5	5	5	0	10	22.5	
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	1.5	1	0.5	12.5	10	5	0	25	22.5	
32	QT01001	Quan hệ quốc tế	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	2.5	0	5	11.25	TM01012, CT01001
<i>Tự chọn</i>			<i>6/18</i>										
33	BC02104	Quản trị báo chí -	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	20	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		truyền thông											
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	15	0	22.5	11.25	
35	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3	1.5	1.5	0	22.5	0	10	0	35	0	
36	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3	1.5	1.5	0	12.5	10	5	0	40	0	
37	BC03401	Mỹ thuật	3	0.5	2.5	0	7.5	0	40	0	35	0	
38	BC03840	Thực tế CTXH	2	1	1	0	15	0	0	0	30	0	
B2. Kiến thức ngành			43										
<i>Bắt buộc</i>			37										
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	1	1.75	0.25	10	5	5	15	32.5	11.25	
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2	0.5	1.25	0.25	7.5	0	32.5	0	5	11.25	
41	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	1.5	1.25	0.25	22.5	0	5	0	32.5	11.25	
42	BC02115	Công chúng báo chí-truyền thông	3	1.5	1	0.5	18	0.5	12.5	0	10	22.5	
43	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	1	0.75	0.25	10	5	12.5	0	10	11.25	BC02801, BC02115
44	BC03402	Nhập môn truyền	3	1.5	1	0.5	12.5	10	5	0	25	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		thông đại chúng											
45	PT03134	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số	3	1	1.75	0.25	10	5	10	10	32.5	11.25	
46	BC03403	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	20	22.5	
47	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	20	22.5	
48	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	20	22.5	
49	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3	1.5	1.0	0.5	22.5	0	0	15	15	22.5	
50	BC02608	Video âm nhạc (MV)	3	1	2	0	15	0	45	15	0	0	
51	BC03733	Thực tập nghiệp vụ (năm 3)	3	0.5	2.25	0.25	0	7.5	0	0	67.5	11.25	
Tự chọn			6/18										
52	BC02605	Truyền thông chính sách	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	
53	BC02607	Sản phẩm truyền thông in ấn	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
54	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	
55	BC03810	Tạp chí	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	
56	BC02603	Thiết kế đồ họa	3	1.5	1.25	0.25	15	12.5	0	0	37.5	11.25	
57	PT03702	Megastory – siêu phẩm số	3	1	1.5	0.5	10	5	5	0	40	22.5	
B3. Kiến thức bổ trợ			18										
<i>Bắt buộc</i>			12										
58	BC2621	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC	5	2	2	1	20	10	40	0	20	45	
59	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	10	0	20	22.5	
60	BC03850	Thực tập tốt nghiệp (năm 4)	4	0.5	3	0.5	0	7.5	0	0	90	22.5	
<i>Tự chọn</i>			6/12										
61	BC03802	Lao động nhà báo	3	1.5	1	0.5	22.5	0	15	0	15	22.5	
62	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3	1	2	0	10	5	15	5	40	0	
63	BC03735	Biên tập sản phẩm truyền thông đại	3	1.5	1	0.5	15	7.5	10	0	20	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		chúng											
64	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3	1.25	1.25	0.5	15	5	15	0	25	22.5	
B4. Khóa luận/ Học phần thay thế khóa luận			6										
<i>Khóa luận/Tác phẩm tốt nghiệp</i>			<i>6</i>										
65	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	6	<u>1</u>	<u>4.5</u>	<u>0.5</u>	<u>5</u>	<u>10</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>145</u>	<u>22.5</u>	
<i>Học phân thay thế Khóa luận</i>			<i>6</i>										
66	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3	1.5	1	0.5	15	7,5	10	0	20	22.5	
67	BC03202	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3	1.5	1	0.5	15	7,5	10	0	20	22.5	

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CDR của CTĐT

Kiến thức: L1 L2 M3 M4 H5 H6

Kỹ năng: L1 L2 M3 H4 H5

Mức độ tự chủ: L1 L2 M3 H4 H5

L1 L2 (Low: Mức độ thấp)

M3 M4 (Medium: Mức độ trung bình)

H4 H5 H6 (High: Mức độ cao)

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Triết học Mác-Lênin	H5							M3							H4
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H5							M3							H4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5							M3							H4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5							M3							H4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5							M3							H4
6	Pháp luật đại cương		H5						H4							H4
7	Chính trị học đại cương		H5						M3							H4
8	Xây dựng Đảng		H5						M3							H4
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			H5					H4					M3		
10	Xã hội học đại cương			H5					H4					M3		
11	Địa chính trị thế giới		H5		M3				M3					M3		
12	Tiếng Việt thực hành				H5				H4					M3		
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam			H5					M3					M3		
14	Các loại hình báo chí – truyền thông			H5			M3		M3					M3		
15	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo			H5			M3		H4					M3		
16	Tâm lý học dạy học ĐH		H5						H4					M3		
17	Tâm lý học xã hội		H5						H4					M3		
18	Truyền thông đa phương tiện			H5					M3					M3		
19	Tin học ứng dụng				H5				L2					M3		

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Tiếng Anh học phần 1				H5				M3					M3		
21	Tiếng Anh học phần 2				H5				M3					M3		
22	Tiếng Anh học phần 3				H5				M3					M3		
23	Tiếng Anh học phần 4				H5				M3					M3		
24	Tiếng Trung học phần 1				H5				M3					M3		
25	Tiếng Trung học phần 2				H5				M3					M3		
26	Tiếng Trung học phần 3				H5				M3					M3		
27	Tiếng Trung học phần 4				H5				M3					M3		
28	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông					H5			H4		H4			H4	M3	M3
29	Quan hệ công chúng và quảng cáo					H5			H4	H4	H4			H4	M3	M3
30	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông					H5			M3		H4			H4	M3	M3
31	Lý thuyết truyền thông					H5	M3		H4	H4				H4	M3	M3
32	Quan hệ quốc tế				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
33	Quản trị báo chí - truyền thông				M3	H5			M3	H4				H4	M3	M3
34	Truyền thông xã hội và mạng xã hội					H5			H4	H4				H4	M3	M3
35	Tâm lý học báo chí - truyền thông		M3			H5			H4	H4				H4	M3	M3
36	Truyền thông sáng tạo					H5			H4	H4				H4	M3	M3
37	Mỹ thuật					H5			M3	H4				H4	M3	M3
38	Thực tế CTXH					H4			H4					H4	M3	M3
39	Dẫn chương trình				H4				H4					H4	M3	M3

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40	Xuất bản điện tử				M3				M3					H4	M3	M3
41	Xây dựng và quản trị thương hiệu				M3				H4	H4				H4	M3	M3
42	Công chúng báo chí - truyền thông						H5		H4	H4	H4			H4	M3	M3
43	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				M3		H5		H4	H4				H4	M3	M3
44	Nhập môn truyền thông đại chúng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
45	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số				H4		H5		M3					H4	H4	M3
46	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông						H5		H4			H4		H4	H4	M3
47	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
48	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng						H5		H4			H4		H4	H4	M3
49	Truyền thông hình ảnh						H5		H4			H4		H4	H4	M3
50	Video âm nhạc (MV)						H5		H4			H4		H4	H4	M3
51	Thực tập nghiệp vụ				H5	M4	M4	H5	H4			H4		H4	H4	M3
52	Truyền thông chính sách						H5		H4			H4		H4	H4	M3
53	Sản phẩm truyền thông in ấn						H5		H4			H4		H4	H4	M3
54	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu						H5		H4			H4		H4	H4	M3
55	Tạp chí						H5		H4			H4		H4	H4	M3
56	Thiết kế đồ họa						H5		H4			H4		H4	H4	M3
57	Megastory (siêu phẩm số)						H5		H4			H4		H4	H4	M3
58	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC				M3		H5		M3	H4			H4	H4	H4	H4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
59	Kinh doanh sản phẩm truyền thông						H5		H4			H4		H4	H4	M3
60	Thực tập tốt nghiệp				H5			H5	H4				H4	H4	H4	H4
61	Lao động nhà báo						H5		H4			H4		H4	H4	M3
62	Bản quyền và sở hữu trí tuệ							H5	H4				H4	H4	H4	H4
63	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng								H5	M3				H4	H4	H4
64	Tổ chức và an toàn thông tin								H5	H4				H4	H4	H4
65	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp							H5	H5	H4				H4	H4	H4
66	Nghiên cứu thị trường truyền thông							H5	H5	H4				H4	H4	H4
67	Quản trị khủng hoảng truyền thông							H5	H5	H4				H4	H4	H4

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	x									
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		x								
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x							
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				x						
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			x							
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3		x								
7	CT01001	Chính trị học	2	x									

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2				x					
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	x								
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		x							
11	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2				x					
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2		x							
13	TG01025	Tâm lý học dạy học ĐH	2					x				
14	TG01007	Tâm lý học xã hội					x					
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2		x							
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo						x				
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2					x				
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2				x					
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	x								
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	x								
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4		x							
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4			x						
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3				x					
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	x								
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4		x							
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4			x						
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3				x					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức BCTT	3			x						
29	XB02626	Nghiệp vụ biên tập BCTT	2					x				
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3						x			
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3		x							
32	QT01001	Quan hệ quốc tế	2						x			
33	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3			x						
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3					x				
35	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3					x				
36	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3			x						
37	BC03401	Mỹ thuật	3					x				
38	BC03840	Thực tế CTXH	2			x						
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	x								
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2								x	
41	QQ03201	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3								x	
42	BC02115	Công chúng báo chí- truyền thông	3				x					
43	QQ02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2					x				
44	BC03402	Nhập môn truyền thông đại chúng	3		x							
45	PT03134	Kĩ thuật công nghệ truyền thông số	3			x						
46	BC03403	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	3				x					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
47	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	3								X	
48	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3							X		
49	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3					X				
50	BC02608	Video âm nhạc (MV)	3				X					
51	BC03733	Thực tập nghiệp vụ	3							X		
52	BC02605	Truyền thông chính sách	3					X				
53	BC02607	Sản phẩm truyền thông in ấn	3					X				
54	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	3					X				
55	BC03810	Tạp chí	3					X				
56	BC02603	Thiết kế đồ họa	3					X				
57	PT03702	Megastory – siêu phẩm số	3					X				
58	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC	3		X							
59	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3								X	
60	BC03850	Thực tập tốt nghiệp	4									X
61	BC03802	Lao động nhà báo	3								X	
62	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3							X		
63	BC03735	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng	3				X					
64	BC02612	Tổ chức và an toàn thông tin	3								X	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ											
				1	2	3	4	5	6	7	8				
65	BC04943	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp	6												x
66	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3												x
67	BC03202	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3												x
	Tổng			20	20	17	18	18	14	13	10				

12. Phương pháp giảng dạy

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Dạy học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Dạy học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm/bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
3	Nghiên cứu trường hợp					x	x	x		x	x	x	x		x	
4	Học thông qua vấn đề, tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x
5	Học thông qua làm dự án					x	x	x	x	x	x	x			x	x
6	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x	x		x	x	x	x		x	x
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

STT	Tên học phần	Trực tiếp									Trực tuyến (tối đa 30%)							Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
1.	Triết học Mác-Lênin			x								x						
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x			

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x								
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x								x				
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x	x											
6.	Pháp luật đại cương	x				x	x											
7.	Chính trị học đại cương	x										x						
8.	Xây dựng Đảng	x																
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x						x								x		
10.	Xã hội học đại cương			x														
11.	Địa chính trị thế	x					x											

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	giới																	
12.	Tiếng Việt thực hành	x																
13.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x							x									
14.	Các loại hình báo chí - truyền thông						x	x	x						x	x	x	
15.	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x				x	x											
16.	Tâm lý học dạy học đại học	x						x										
17.	Tâm lý học xã hội	x						x										
18.	Truyền thông đa phương tiện						x	x	x						x	x	x	
19.	Tin học ứng dụng					x+TH												
20.	Tiếng Anh học phần 1	x	x			x												

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
21.	Tiếng Anh học phần 2	x	x			x												
22.	Tiếng Anh học phần 3	x	x			x												
23.	Tiếng Anh học phần 4	x	x			x												
24.	Tiếng Trung học phần 1	x	x			x												
25.	Tiếng Trung học phần 2	x	x			x												
26.	Tiếng Trung học phần 3	x	x			x												
27.	Tiếng Trung học phần 4	x	x			x												
28.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	x				x	x			x				x	x			
29.	Nghiệp vụ biên tập							x								x		

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	báo chí – truyền thông																	
30.	Quan hệ công chúng và quảng cáo								X									X
31.	Lý thuyết truyền thông						X	X	X						X	X		X
32.	Quan hệ quốc tế	X						X		X						X		
33.	Quản trị báo chí - truyền thông	X				X	X			X				X	X			
34.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	X				X	X			X				X	X			
35.	Tâm lý học báo chí - truyền thông	X				X	X			X				X	X			
36.	Truyền thông sáng tạo	X				X	X			X				X	X			
37.	Mỹ thuật						X	X	X						X	X		X
38.	Thực tế CTXH						X	X							X	X		

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
39.	Dẫn chương trình						x	x	x						x	x	x	
40.	Xuất bản điện tử	x								x								
41.	Xây dựng và quản trị thương hiệu	x					x			x					x			
42.	Công chúng báo chí truyền thông	x		x		x	x			x		x		x	x			
43.	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại							x								x		
44.	Nhập môn truyền thông đại chúng	x		x		x	x			x		x		x	x			
45.	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số						x	x	x						x	x	x	
46.	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông						x	x	x						x	x	x	
47.	Sáng tạo nội dung truyền thông đại						x	x	x						x	x	x	

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	chúng																	
48.	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng						x	x	x							x	x	x
49.	Truyền thông hình ảnh						x	x	x							x	x	x
50.	Video âm nhạc (MV)						x	x	x							x	x	x
51.	Thực tập nghiệp vụ								x									x
52.	Truyền thông chính sách						x	x	x							x	x	x
53.	Sản phẩm truyền thông in ấn						x	x	x							x	x	x
54.	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu						x	x	x							x	x	x
55.	Tạp chí						x	x	x							x	x	x
56.	Thiết kế đồ họa						x	x	x							x	x	x
57.	Megastory – siêu						x	x	x							x	x	x

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	phẩm số																	
58.	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC						x	x	x							x	x	x
59.	Kinh doanh sản phẩm truyền thông						x	x	x							x	x	x
60.	Thực tập tốt nghiệp								x									x
61.	Lao động nhà báo						x	x	x							x	x	x
62.	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	x				x	x			x					x	x		
63.	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng						x	x	x							x	x	x
64.	Tổ chức và an toàn thông tin	x				x	x			x					x	x		
65.	Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận/Dự án tốt nghiệp						x	x	x							x	x	X

STT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác	
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm		
66.	Nghiên cứu thị trường truyền thông						x	x	x							x	x	x	
67.	Quản trị khủng hoảng truyền thông						x	x	x							x	x	x	

15. Điều kiện đội ngũ

15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Lê Thu Hà	02/8/1982	Báo chí			X		
2	Phạm Thị Thanh Tịnh	22/3/1977	Báo chí		x	x		
3	Trần Quang Huy	31/12/1968	Báo chí				X	
4	Nguyễn Thị Tuyết Minh	27/8/1976	Xã hội học			X		
5	Trần Minh Tuấn	24/9/1991	Báo chí				x	
6	Trần Thị Vân Anh (1977)	15/4/1977	Báo chí			X		

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
7	Nguyễn Thuý Vân Anh	02/6/1984	Báo chí			X		
8	Nguyễn Thị Huyền	04/07/1985	Báo chí				x	
9	Phạm Quỳnh Trang	05/02/1987	Báo chí				x	
10	Nguyễn Thuý Quỳnh	12/10/1990	Báo chí				x	

15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x	X		
2	Mai Quỳnh Nam	1952	Xã hội học		x	x		
3	Trần Thị Hoàng Ngân	1989	Mỹ thuật				x	
4	Phạm Thu Phong	1973	Báo chí			x		
5	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
6	Nguyễn Hoàng Thảo	1990	Quan hệ công chúng				X	
7	Đỗ Phương Trang	1991	Báo chí					x
8	Trần Thị Tri	1963	Kinh tế			X		
9	Nguyễn Minh Tuấn	1986	Báo chí			X		
10	Trần Quang Diệu	1978	Khoa học máy tính		x	x		

16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy....

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị (dành cho các ngành khối nghiệp vụ)

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	<ul style="list-style-type: none"> - Máy ảnh Canon EOS D1200. - Tủ chống ẩm - Máy ảnh Nikon D800. - Máy ảnh Canon 7D max II - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh 	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh. 	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh. 	2
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ trộn tín hiệu. - Sound card Octa Capture - Máy tính để bàn - Micro thu âm. - Loa kiểm âm. - Tai nghe kiểm âm - Máy ghi âm KTS. 	1
5	Phòng thực hành quay phim	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. 	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Dolly Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay 	
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyên mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow. 	1
7	Phòng thực hành dựng hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Bàn máy tính 	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Tai nghe kiểm âm - Máy chiếu. - Màn chiếu - Loa kiểm âm - Máy in khổ A3. 	
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe. 	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô. 	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe. 	1
11	Phòng thực hành tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính bàn. - Máy chiếu. 	4

Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư,	251	18.024

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
	giảng viên cơ hữu		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng (tổng hợp từ sách và giáo trình ở đề cương chi tiết học phần): thống kê số lượng và phân loại: số giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề cương bài giảng...

STT	Loại tài liệu	Số lượng
1	Giáo trình	60
2	Sách chuyên khảo	70

3	Sách tham khảo	70
4	Đề cương bài giảng	10

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình từ khóa 44 (2024-2028).
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
 - + Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	BC03710	Nhiếp ảnh	3	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3
2	QT03629	Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế	3	PT03702	Megastory	3
3	BC02614	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3	BC03202	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3
4	QQ02642	Truyền thông doanh nghiệp	3	QQ02610	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3
5	BC02616	Kỹ thuật công nghệ truyền thông	3	PT03134	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số	3

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		đại chúng				
6	BC02607	Truyền thông về khoa học giáo dục và công nghệ	3	PT03135	Dẫn chương trình	3
7	BC03840	Thực tế CTXH	2	PT02501	Các loại hình báo chí – truyền thông	2
				BC03840	Hoặc Thực tế CTXH	3

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Mục tiêu đào tạo</i>	Giữ nguyên	Giữ nguyên	
<i>Chuẩn đầu ra</i>	27 chuẩn đầu ra	15 chuẩn đầu ra	Rút gọn các chuẩn đầu ra trên cơ sở tích hợp các chuẩn đầu ra theo khối kiến thức và nhóm kỹ năng.
<i>Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia</i>	Có	Có	Cập nhật điều chỉnh theo chương trình mới với 06 Mục tiêu về kiến thức, 06 mục tiêu về kỹ năng, 03 mục tiêu về mức độ tự chủ, trách nhiệm và 07 PLO Kiến thức, 05 PLO Kỹ năng, 03 PLO năng lực tự chủ, trách nhiệm.
<i>Tiêu chí tuyển sinh</i>	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm	Giữ nguyên

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
	của Học viện	của Học viện	
Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện	Giữ nguyên
Sơ đồ cây chương trình đào tạo	Có	Bổ sung, cập nhật	Được điều chỉnh theo sự điều chỉnh cơ cấu học phần và trình tự tổ chức dạy học
Nội dung chương trình	- Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ nhưng có điều chỉnh các khối kiến thức và các học phần mới được bổ sung.	<p>- Giữ nguyên tổng số tín chỉ toàn khóa và tổng số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; điều chỉnh, bổ sung một số môn học mới như <i>Các loại hình báo chí - truyền thông, PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo, Truyền thông đa phương tiện, Dẫn chương trình, Nghiệp vụ biên tập báo chí – truyền thông, Xuất bản điện tử, Xây dựng và quản trị thương hiệu...</i></p> <p>- Điều chỉnh, phân bổ lại số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học của một số học phần, như môn <i>Thực tế chính trị xã hội</i> tăng từ 2 lên 3 tín chỉ.</p>

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT</i>	Có	Có điều chỉnh	Điều chỉnh cách đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo mức độ 1,2,3,4,5,6 tương ứng của từng bậc: L (thấp), M (trung bình) và H (cao), mang tính phân loại cao hơn giữa các học phần.
<i>Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)</i>	Có	Có điều chỉnh	Sắp xếp lại thứ tự các học phần theo logic nhận thức của người học và theo trình tự tiên quyết các khối kiến thức, nhóm kỹ năng.
<i>Phương pháp giảng dạy</i>	Có	Bổ sung, cập nhật	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
<i>Phương pháp học tập</i>	Có	Bổ sung, cập nhật	Thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<i>Hình thức đánh giá</i>	Có	Có	Cập nhật theo chương trình mới, điều chỉnh tỉ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá trong một học phần. Thay đổi từ tỉ lệ 10%-30%-60% thành 20%-30% và 50%. Bổ sung thêm các hình thức đánh giá đa dạng hơn, cả trực tiếp. và trực tuyến cho tất cả các môn.
<i>Hướng dẫn thực hiện chương trình</i>	Có	Có	Được cụ thể hóa thêm về các học phần thay thế, học phần tương đương do điều chỉnh chương trình, quy định thêm về số tín chỉ được học vượt để tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành.

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
<i>Điều kiện đội ngũ</i>	Có	Có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo tình hình đội ngũ hiện thời.
<i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT</i>	Có	Có	Cập nhật theo điều kiện hiện có, bao gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.

19. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; có kỹ năng vận dụng tri thức, phương pháp luận vào nhận định vấn đề thực tiễn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực tham gia vào các hoạt động học tập cũng như mong muốn truyền bá tri thức môn học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cốt lõi về kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới; Có kỹ năng tư duy, kỹ năng vận dụng lý luận kinh tế để phân tích các quan hệ kinh tế; Có ý thức trách nhiệm phù hợp khi tham gia hệ thống kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp đại học.
3	CN01001	CNXHKH	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức của CNXHKH; hiểu được các quy luật và các tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình ra đời, phát triển hình thái kinh tế - xã hội XHCN – CSCN. Bước đầu có kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị xã hội. Từ những hiểu biết đó, sinh viên có thái độ tin tưởng, ủng hộ cũng như tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm góp phần thực hiện thành công cách mạng XHCN – con đường mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng từ năm 1930 đến nay. Có nhận thức đúng đắn, khách quan về thực tiễn lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng qua các giai đoạn cách mạng. Có kỹ năng phân tích, vận dụng các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh và đánh giá sự kiện chính trị-xã hội theo hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc được vai trò, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và công cuộc đổi mới hiện nay.
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	Sau khi kết thúc môn học, sinh viên nhận thức rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về phòng, chống tham nhũng; có kiến thức tổng hợp về nhà nước và pháp luật Việt Nam; đánh giá được mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam với thực tiễn; có thể đề xuất được một số biện pháp cơ bản nhằm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên cơ sở đó nâng cao nhận thức của sinh viên về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng và đấu tranh kiên quyết với hành vi vi phạm pháp luật.
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản tập trung vào những nội dung cốt lõi của chính trị học bao gồm: các tư tưởng chính trị, quyền lực và quyền lực chính trị, các thể chế chính trị từ đó hình thành kỹ năng, thái độ và quan điểm đúng đắn, khách quan để định hướng hành vi cho người học trước những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				trị thực tiễn
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ ghi nhớ được các tư tưởng, quan điểm của Mác-Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng; vận dụng, phân tích, đánh giá được những vấn đề đó để liên hệ và giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, công tác đảng đặt ra. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức cuộc họp, phân tích và phản biện các vấn đề về xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và trình độ nhận thức, củng cố niềm tin, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng tổ chức đảng, phấn đấu trở thành đảng viên, đứng trong hàng ngũ của Đảng.
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hướng tới hình thành năng lực và phẩm chất cơ bản cho người học về nghiên cứu khoa học.
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên có điều kiện nâng cao hiểu biết chuyên sâu về văn hóa Việt Nam, có kỹ năng gìn giữ, xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có những kiến thức chung về các loại hình báo chí - truyền thông: khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, thế mạnh, kỹ năng sáng tạo một số loại hình báo chí - truyền thông ở mức cơ bản; những kiến thức này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				ngành.
12	QT02560	Địa chính trị thế giới	2	Sau khi học xong môn học, sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về địa chính trị thế giới: khái niệm, các quan điểm địa-chính trị, đặc điểm địa - trị thế giới; Hiểu rõ các đặc điểm địa - chính trị ở các châu lục, khu vực. Hiểu rõ sự tác động của các đặc điểm địa-chính trị đến quan hệ quốc tế; sự tác động qua lại giữa yếu tố địa lý và chính trị đối với sự phát triển của quốc gia, khu vực. Có khả năng tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị dựa trên nền của các yếu tố địa lý, hình thành khả năng phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề quốc tế, ở các khía cạnh khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các tri thức cơ bản của Tâm lý học nói chung và Tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội. Đồng thời củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai.
15	XB01101	Tiếng Việt thực hành	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức chung về truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả.
18	XH01001	Xã hội học đại cương	2	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể có những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm, phương pháp nghiên cứu. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về môn học xã hội học làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn chuyên ngành.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	Khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2- Khung CEFR). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở bậc sơ cấp dùng trong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, nhà cửa, học tập, hoài bão, kế hoạch tương lai, đồ ăn, du lịch.
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2 cao và bậc 3 thấp, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với mức A2+, B1- Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR). Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện 4 kỹ năng. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày; có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, sức khỏe, giải trí; công nghệ, trải nghiệm, có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	<p>Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3/6, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như nét nhận diện bản thân, sự thành công, làm việc cùng nhau, thói quen hàng ngày, nghệ thuật và quê quán.</p>
23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	<p>Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Anh ở trình độ bậc 4/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân, có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc sơ cấp thấp tương đương với HSK1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, nắm được cách viết chữ Hán, các quy tắc ngữ pháp, từ vựng cũng như có kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ sơ cấp thấp để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề rất quen thuộc như bản thân, gia đình, thời gian, nơi chốn, trường học, mua bán.
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	Khi hoàn thành học phần, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung HSK 2 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)), tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên nắm chắc được phần ngữ âm, cách viết chữ Hán, kiến thức ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cơ bản để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với các chủ đề quen thuộc như thời gian, công việc, sở thích, học tập, hỏi đường
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 3, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK3 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đầu trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau, có khả năng diễn đạt quan điểm về một số chủ đề trong học tập và cuộc sống như thời tiết, du lịch, sở thích.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...
28	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật báo chí, truyền thông và đạo đức nghề nghiệp; sinh viên sau khi học xong học phần này có thái độ tôn trọng pháp luật và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; học phần cũng đòi hỏi sinh viên phải xây dựng được năng lực tư duy pháp lý, phân tích được sự kiện pháp lý trong hoạt động nghiệp vụ; rèn luyện cho sinh viên ý thức, thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp.
29	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông	2	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ biên tập. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để biên tập các loại hình, sản phẩm của báo chí truyền thông. Đồng thời, học phần sẽ hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
30	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được cơ sở lý luận, các mô hình truyền thông được sử dụng trong hai lĩnh vực này, phân biệt được các

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				<p>hoạt động quan hệ công chúng và các loại hình quảng cáo...; hình thành được kỹ năng phân tích và đánh giá một số hoạt động quan hệ công chúng, quảng cáo như: quan hệ với báo chí, chiến dịch quan hệ công chúng và quảng cáo,...; từ đó có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học khi tham gia nghiên cứu và thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo.</p>
31	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	<p>Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được lý thuyết cơ bản về truyền thông, bao gồm: khái niệm, lịch sử phát triển, các mô hình, môi trường truyền thông; cách ứng dụng một số lý thuyết truyền thông; đặc trưng, phân loại và cách thức sử dụng của các kênh truyền thông cá nhân, nhóm và đại chúng; xác định được các bước của một chu trình truyền thông, xây dựng được kế hoạch, giám sát, đánh giá và phân tích hoạt động truyền thông; có thái độ tích cực, đúng đắn trong tham gia thực hiện các chiến dịch, chương trình truyền thông.</p>
32	QT02001	Quan hệ quốc tế	2	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kỹ năng phân tích, đánh giá được một số nội dung cốt lõi có liên quan đến quan hệ quốc tế; có nhận thức đúng đắn về một số vấn đề quan hệ quốc tế cơ bản cũng như về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.</p>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
33	BC02104	Quản trị báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, khái quát về quản trị báo chí - truyền thông như: Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong các cơ quan báo chí; Kỹ năng quản trị nội dung các lĩnh vực truyền thông trong tổ chức; Kỹ năng quản trị các tiến trình truyền thông thông đối nội và đối ngoại; ... ở các bình diện khác nhau.
34	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.
35	BC02803	Tâm lý học báo chí - truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
36	BC02905	Truyền thông sáng tạo	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được cơ sở lý thuyết về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo, vai trò, nguyên tắc và phương thức sáng tạo trong quá trình tổ chức, sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng, đề xuất, thử nghiệm và thực hiện các dự án truyền thông sáng tạo, từ đó rèn luyện kỹ năng phát triển ý tưởng và tư duy sáng tạo, ứng dụng trong đời sống và nghề nghiệp truyền thông đại chúng.
37	BC02109	Mỹ thuật	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như: các khái niệm liên quan; nguyên lý cơ bản về nghệ thuật tạo hình; các nguyên tắc cơ bản về hình họa; các nguyên tắc cơ bản về trang trí; các nguyên tắc cơ bản về bố cục, đường nét, mảng khối và màu sắc; vận dụng kiến thức mỹ thuật trong sáng tạo tác phẩm/sản phẩm truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc trang bị để vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học.
38	BC03840	Thực tế CTXH	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được hiểu biết và có trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng thực tế về chính trị xã hội ở Việt Nam. Sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế tại các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội phù hợp với ngành Truyền thông đại chúng.
39	PT03135	Dẫn chương trình	3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động dẫn chương trình: Hiểu được vị trí, vai trò, đặc trưng của hoạt động dẫn chương trình và của người dẫn chương trình; Nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				chương trình cụ thể; Hiểu được các dạng sự cố và cách xử lý khi dẫn chương trình... Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan hoạt động truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.
40	XB02610	Xuất bản điện tử	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức cơ bản về xuất bản điện tử (XBĐT); kỹ năng xác định đề tài, xây dựng nội dung và lập kế hoạch xuất bản xuất bản phẩm điện tử. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.
41	QQ02610	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức, kỹ năng và thực hành về xây dựng thương hiệu và hình ảnh cũng như các phương thức, kỹ thuật liên quan. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Xây dựng thương hiệu và hình ảnh sau khi tốt nghiệp ngành học.
42	BC02115	Công chúng báo chí-truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
43	QQ03529	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	2	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế.
44	BC02701	Nhập môn truyền thông đại chúng	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được khái niệm, phân loại các kênh, các loại hình truyền thông đại chúng, vai trò, cơ chế tác động của truyền thông đại chúng với các nhóm công chúng và xã hội; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nhà truyền thông; những vấn đề, xu hướng phát triển truyền thông đại chúng, vấn đề pháp luật và đạo đức trong truyền thông đại chúng; vấn đề sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng; vấn đề phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đại chúng...
45	PT03134	Kỹ thuật công nghệ truyền thông số	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
46	BC03802	Tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có hiểu biết cơ bản và khái quát về truyền thông doanh nghiệp, không chỉ là truyền thông bên trong doanh nghiệp mà còn là giữa doanh nghiệp với các nhân tố bên ngoài và giữa các doanh nghiệp với nhau. Các lý thuyết về truyền thông doanh nghiệp, truyền thông trong khủng hoảng cùng các ví dụ cũng được giới thiệu và phân tích.
47	BC02617	Sáng tạo nội dung truyền thông đại chúng	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nội dung và các vấn đề cơ bản của sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đại chúng phục vụ các ngành truyền thông đại chúng trong thực tiễn. Sinh viên được thực hành phân tích, phân biện và sáng tạo nội dung các sản phẩm truyền thông cụ thể
48	BC02618	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức, kỹ năng và thực hành về tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đại chúng với 3 loại hình sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn, sản xuất sản phẩm truyền thông số.
49	BC03101	Truyền thông hình ảnh	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về vấn đề truyền thông hình ảnh gồm các khái niệm cơ bản; nhận diện các sản phẩm truyền thông hình ảnh; vai trò và đặc điểm của truyền thông hình ảnh; nguyên tắc tổ chức hình ảnh trên các sản phẩm truyền thông; phương pháp tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông; thực hành truyền thông ảnh trên các kênh.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
50	BC02608	Video âm nhạc (MV)	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những nội dung cơ bản, khái quát về video âm nhạc, sáng tạo và tổ chức sản xuất video âm nhạc. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, video âm nhạc trên các bình diện khác nhau
51	BC03703	Thực tập nghiệp vụ	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người làm truyền thông. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan truyền thông; xây dựng nền tảng để khởi nghiệp.
52	BC02605	Truyền thông chính sách	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những nội dung và phương pháp cơ bản, hệ thống và khái quát về truyền thông chính sách, chủ yếu dựa trên thực tiễn Việt Nam. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng nhận diện, phân tích, phản biện chính sách, kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông chính sách và phương pháp đánh giá truyền thông chính sách.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
53	BC02607	Sản phẩm truyền thông in ấn	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông in ấn và các phương thức, kỹ thuật liên quan đến tổ chức sản phẩm in ấn. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm in ấn trên các bình diện khác nhau.
54	BC02619	Thiết kế gói nhận diện thương hiệu	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức cơ bản về thiết kế gói nhận diện thương hiệu và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên được thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và thiết kế gói nhận diện thương hiệu cụ thể.
55	BC03810	Tạp chí	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức cơ bản về Tạp chí; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, phân loại Tạp chí; mô hình tổ chức thông tin cho Tạp chí; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Tạp chí; quản trị và kinh doanh sản phẩm Tạp chí. Cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Tạp chí; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Tạp chí.
56	BC02603	Thiết kế đồ họa	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức cơ bản về Thiết kế đồ họa, kỹ thuật liên quan đến Thiết kế đồ họa. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo Thiết kế đồ họa.
57	PT03702	Megastory (Siêu phẩm số)	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Megastory – Siêu phẩm số, những xu thế, đặc trưng cơ bản của Megastory – Siêu phẩm số trên BMĐT, các kỹ năng để sinh viên có thể tự xây dựng, thiết kế các sản phẩm thông tin đồ họa phục vụ cho các tờ BMĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
58	BC02621	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐC	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đại chúng. Đây là những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải nắm được để vận dụng trong giao tiếp, công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp ngành học
59	BC03753	Kinh doanh sản phẩm truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có các kiến thức cơ bản về Kinh doanh sản phẩm truyền thông và các phương thức, kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng Kinh doanh sản phẩm truyền thông trên nền tảng công nghệ hiện đại.
60	BC03850	Thực tập tốt nghiệp	4	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức thực tiễn hoạt động lĩnh vực truyền thông đại chúng trong chương trình đào tạo năm học thứ tư. Cụ thể: tiếp cận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... (tổ chức hoạt động; quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; các hoạt động ứng dụng truyền thông đại chúng); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và tổ chức sản xuất, ứng dụng sản phẩm truyền thông; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...
61	BC03804	Lao động nhà báo	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
				phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.
62	BC02610	Bản quyền và sở hữu trí tuệ	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những những nội dung cơ bản, chuyên sâu về bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức này trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan công việc truyền thông sau khi tốt nghiệp ngành học.
63	BC03735	Biên tập sản phẩm truyền thông đại chúng	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những các kiến thức, kỹ năng và thực hành về Biên tập các sản phẩm truyền thông đại chúng với 3 loại hình sản xuất sản phẩm truyền thông in ấn, sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn, sản xuất sản phẩm truyền thông số.
64	BC02620	Tổ chức và an toàn thông tin	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính. Trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản mà sinh viên bắt buộc cần nắm được để vận dụng trong các hoạt động liên quan Tổ chức và an toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ngành học.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung học phần
65	BC04801	Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ được thực hiện một trong ba hình thức, đó là làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 4 tháng, thực hiện hoàn chỉnh, thành công sản phẩm tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp để đánh giá lại kiến thức, kỹ năng của mình trong 4 năm học.
66	BC03704	Nghiên cứu thị trường truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những hiểu biết cơ bản và khái quát về thị trường truyền thông; xu thế phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đồng thời môn học cũng hệ thống, phân loại và chỉ rõ đặc điểm của thị trường truyền thông ở Việt Nam, những yêu cầu kỹ năng cần có đối với nhân lực tham gia vào hoạt động của thị trường này.
67	BC03202	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ có những hiểu biết cơ bản và khái quát về quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, kỹ năng quản trị khủng hoảng và quản trị truyền thông trong khủng hoảng, có tâm thế chủ động phòng ngừa khủng hoảng truyền thông và sẵn sàng xử lý khủng hoảng trong trường hợp khẩn cấp theo đúng nguyên tắc của quản trị truyền thông.

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

VIỆN TRƯỞNG



Phạm Minh Sơn

Trần Văn Thư

Nguyễn Thị Trường Giang